

TRITÂN

TẠP CHÍ

知新
雜誌

Giá 120

Việt-nam Dân-chủ Cộng-hòa năm thứ nhất

Ung hộ cuộc kháng chiến của Giải phóng quân Việt L

Ung hộ cuộc kháng chiến anh dũng của đồng bào Nam

TỪ' TOÀN DÂN KHÁNG CHIẾN ĐẾN TOÀN DÂN VẬN ĐỘNG

KIẾN XƯƠNG

Bộ N nghìn năm lịch sử không lúc nào bằng lúc này, dân tộc đang thương và Việt - Nam yếm quý của chúng ta đang ở trong một hoàn cảnh vô cùng nghiêm trọng. Nạn xâm lăng, nạn đói rét đang đe dọa, đầy rẫy.

Trước cái nguy cơ cấp bách, nhương cháy mảy xém mặt, một mặt trận rộng lớn phải thiết lập. và trong hàng ngũ đó, toàn thể dân Việt-Nam phải sẵn sàng hoặc dự bị là chiến sĩ.

Vẫn biết có các đoàn thể cứu quốc tự vệ, cứu tế để tập hợp tất cả các tầng lớp, các năng lực vào vòng tổ chức và đời sống thời cực, song thẳng thắn, ta phải nhận rằng còn rất lắm phần từ bỏ hăng và cái vô kháng tăng ở họp vẫn còn đang đe dọa cả: tổ chức trên đây.

Sau 80 năm bị đàn áp và bóc lột đến triệt để, một dân tộc, đã từng thử thách, chịu đựng dưới một lịch sử tranh đấu gay go và nhằn nặn, ngày nay lại được nhìn thấy, ánh sáng bị vọng của tự do và độc lập, không lẽ một dân tộc ấy có thể gập được nhiều phần là không biết sôi sảng hăm hăm và bảo tồn lấy sự sống cho mình phải đứng ở tập hợp đoàn tranh đấu là cái bản tính của những người

đã sống và muốn sống còn. Không lẽ gì một dân dầy nhưa sống như dân ta, sau bao nhiêu năm bị kìm hãm, đàn áp không được phát triển và học lộ cái bản tính ấy, ngày nay lại có thể còn nhiều người không biết hăm hờ sẵn sẽ ra tranh cướp lấy!

Của đã mất nay lại thấy! Cái nguồn nước mãnh liệt vĩ đại, bị ngăn đón nay lại được buông thả! Nó phải là một sự bùng bột, sôi nổi nổ vỡ lôi cuốn tất cả quốc dân vào một phong trào vô cùng sâu rộng như trận hồng thủy hồi tiền lịch sử.

Trong Lối Nhật thuộc, ai đều ý đến thời cực, cũng phải nhận thấy một sự nóng nảy, hạo hức ngàn ngút như men bỗ của toàn dân mong đợi sự tranh đấu, kết đoàn. Đến nay, cái việc trước kia phải lớn lột bị mặt được hành động công khai, cái việc trước bị ngăn cấm, nay được nâng đỡ khuyến khích, cái kết quả tưởng phải có lại không thấy thực hiện khiến chúng ta phải suy nghĩ tìm hiểu phải chăng? hay cái tình trạng kinh tế, hoặc chiến cực Nam bộ, đã hấp dẫn người ta đến một khuôn hiệu cao và khắt cấp hơn?

Có thể, nhà xã hội học cho là một đường lối tất nhiên của các

phong trào: nó phải cao trào lên rồi lại thoái lui, trong khi thoái ấy đề cũng cố lại và dự bị một bước vọt cao hơn nữa, vẫn biết thế, song người đứng địa vị chỉ quan, phải chăm lo cho nó tiến tới luôn luôn, và do nguyên nhân kinh tế, chiến tranh hay chính kiến gì đi nữa chăng, cái chủ trương kết đoàn thể và hoạt động vẫn không có lý gì không phải kiên mạnh mẽ.

Muốn mở một mặt trận toàn dân kháng chiến, phải làm sao cho toàn dân vận động, toàn dân đoàn kết được chu đáo phải làm sao người dân nào cũng ở vào một đoàn thể, hay ít nhất gia đình nào cũng phải có một, hai người trong đoàn thể, mà trong các đoàn thể, không đoàn viên nào không hoạt động theo địa vị và năng lực của mình.

Có đoàn thể, mới có sự đoàn kết và liên lạc chặt chẽ, và như thế một ý tưởng, một chỉ thị có thể lan truyền khắp toàn quốc, bất chấp cả điện tín lẫn báo chí.

Có hành động, mới có tình đoàn và tiến bộ, người giác ngộ thấp sẽ lên cao được, và người giác ngộ cao sẽ lên cao nữa.

Nếu bọn thực dân đã phải dùng chính sách chia rẽ, mà trị thì chúng ta cũng phải chia rẽ

mà đoàn kết và hoạt động. Chia theo đủ các phương diện, tinh thần, trình độ, quyền lợi, thì mới định được năng lực hoạt động cho từng hạng, và đoàn kết được chắc chắn.

Nước sạch phải được chứa với nước sạch, cát già được hợp với cát già, và với chín chẹn riêng ra với chín rồi ba thứ ấy sẽ chẹn lẫn theo một tỷ lệ nhất định thành thứ vữa rất tốt. Công việc vận động ở nước phải làm với một nắm khoa học, cần trọng và thứ bậc chứ không thể sáo lộn, với vàng cần lấy lượng mà không chú ở phẩm.

Có phẩm rồi sẽ có lượng, hòn gạch dưới móng xây được vững thì có thể chồng cao lên mãi mãi. Gạch non xây chỗ có thể non, gạch già xếp chỗ cần phải già, các ô cửa quy củ như thế thì không đoan viên nào không có thể trở hết được năng lực của mình mà không phải cố gắng quá.

Khẩu hiệu quá cao với năng lực của người ta cũng có hại, và khẩu hiệu thấp hơn năng lực người ta cũng có hại. Cái bí quyết mọi sự thành công chỉ ở chỗ ấy.

Vừa đề chúng tôi đối chọi, và làm rõ và ý kiến vụn vặt tôi xin kể qua một câu chuyện của người bạn mới lại một cuộc tranh đấu ở lao tù.

— Ở trong lao — lời người bạn — tôi vẫn thường tranh đấu để cải thiện sinh hoạt, phần kháng một thái độ tàn ác và phần là để luyện cho anh em tranh đấu. Hình thức tranh đấu có nhiều hạng, và

hình thức thấp nhất là tuyệt thực thời taurang được áp dụng luôn. Tuy vậy, sự nhịn đói với một số đông người cũng là một việc rất khó, nhất là nó phải kéo dài 5, 7 ngày, và cầu lấy thắng lợi. Nếu cái số người tuyệt thực càng ngày càng đông thì không những tinh thần anh em suy sút và cả đối phương cũng kinh thị mà nói ngay đến lúc dễ nhất để chức nhiều người biết sự mình không chịu đựng được lâu, đã thoát lại không gia nhập. Vì trên đã nói những cuộc tranh đấu ấy được tổ chức để làm vu và nâng tinh thần tranh đấu, và sau nữa mong lấy thắng lợi một chút sù. Cho nên cuộc tuyệt thực cũng không có chủ đích kéo dài, cho đến chết. Tất nhiên cái phạm vi của nó cũng chỉ đến 5, 7 ngày, dù thắng lợi hay không, đến lúc anh em kháng láng quá là cùng. Vì thế, cho nên, nó thường bắt đầu không được toàn thể anh em bị giam trong trại tán thành, và kết quả cũng không được mỹ mãn ở đủ số anh em dù toàn gia chịu đựng được từ ngày đầu đến ngày cuối.

Theo những kinh nghiệm ấy, lần sau chúng tôi đã tổ chức tranh đấu một cách khác. Muốn phản đối thái độ của vị giám ngục và yêu cầu một vài quyền lợi, — và cũng để nêu lên mâu thuẫn tranh đấu — chúng tôi đã tổ chức một cuộc tuyệt thực, — không phải đến chết — song trong hạn 5 ngày và chia ra từng hạng. Trong trại giam có 70 người ngày đầu, những phần tử có thể nhịn được 5 ngày là 20 người — những anh em bị giam bảy giờ phần nhiều của vài

ba tháng sẽ hết hạn được về, nên tinh thần tranh đấu cũng không cao lắm — bắt đầu nhịn tiên phong, và đưa những lời vận sách cho giám ngục biết. Họ lơ đi không thêm vào hội.

Ngày thứ 2, thêm 20 anh nữa — những người nhịn được 4 ngày. Giám ngục vào trông qua rồi lại quay đi. Ngày thứ ba thêm 10 anh — những người ước hẹn nhịn 3 ngày — rồi ngày thứ tư, đề mở một trận tổng công kích, yêu cầu tất cả các anh em trước chỉ nhận nhịn 2 ngày, hay một ngày cũng tham gia cho tăng lực lượng. Một số ít ốm yếu, hay không tinh thần tranh đấu, thấy thế cũng sốt sắng tham gia vào nổi, thành kẻ quỉ, toàn trại, ném cơm ra giả chủ ngục và nhiệt liệt phản đối cùng yêu sách những đề nghị trước. Trong các cuộc tranh đấu ở lao tù tôi mới thấy có lần ấy là thắng lợi hơn cả. Thắng giám ngục bấy phen trỗi lên cao sọ lan sang cả các trại khác và sinh to chuyện. — Ở lao ấy trước vài tháng vừa xảy một cuộc tranh đấu lưu huyết — họ ngay những bộ phận và nhận cả bảy nghìn điều vận sách.

Đây chỉ là một đề sáo của một chuyện vụn vặt, song ta có thể rút kinh nghiệm rằng, không phần tử nào không có tinh thần và năng lực tranh đấu, song cái hình thức và trình độ phải thích hợp thì họ mới hưởng ứng được phong trào. Đừng nói: Đám quần chúng này không có tinh thần, cái không có là phương pháp và hình thức tổ chức cũng như là công tác thích hợp.

Vừa ở lao của quốc ứng là cái ngục này, bị nạn Hồ đúng câu thần chú tôi và họ đã ứng phải rung. KIẾN-XUÔNG

SỰ KHÁNG-CỰ CUỐI CÙNG

CỦA DÂN CHÀM NĂM ẤT-VI 1945

HIỆN giờ, ở vài đồng bằng miền nam Trung-kỳ và ở các miền đồi tay thu: lòng nhỏ hẹp lân cận, dân Chăm còn sống lơ thơ, chỗ này đám nhà, chỗ kia vài xóm. Tổng số ước độ vài vạn người là cùng.

Dân Chăm đông nhất ở tại vùng: phía nam sông Kinh dinh (còn gọi là sông Phan rang) và đồng bằng sông Lũy. Hai vùng đó nhỏ hẹp, ít mưa đều khó cấy cấy cả.

Ở vùng thứ nhất, dân Chăm ước độ một vạn người, họp làm một huyện gọi là An-phước (huyện - lý gần ga Tour Cham, thuộc về đạo Ninh-thuận. Đạo có quan Quản-đạo, nhưng dân Việt trong đạo chỉ họp lại độ một trăm làng, không làm thành một huyện, và do quan Quản-đạo cai-trị một cách trực-tiếp.

Ở vùng thứ hai, dân Chăm ước độ bốn nghìn người, cũng họp thành một huyện gọi là huyện Phan ri-châm. Trước đây mới vài năm, huyện này chỉ có một viên Lạc-mục, người Chăm, làm việc quan, thuộc quyền quan Tuần phủ Bình-thuận, cũng như huyện An-phước có Thủ tri huyện ở dưới quyền quan Quản đạo Ninh-

thuận vậy. Mới đây, Triều đình cho quan ta vào nhận chức Tri-huyện ở Phan-ri-châm, để cai-trị trực tiếp người Chăm hạt đó.

Bây giờ người Chăm chỉ được tự-trị lấy nhau — tuy vẫn bị kiểm sát — ở An-phước mà thôi.

AI đã đi hăm mấy miền nam Trung-kỳ, đã thấy người Chăm, (còn có tên gọi là Hơ) hiện giờ còn lại, sinh nhai một cách vất vả và gần như quên đến hết cả lịch-sử của họ ngày xưa, bởi dù là người Việt — nghĩa là người mà gống nòi vì sự sinh-tồn đã phải chịu phục họ — cũng động lòng gấu-ăn.

Tôi còn nhớ nhờ một người đầu-mục Chăm nói với tôi, mất mơ màng nhìn nắng chưa dãi trên Tháp Vua: « Năm Minh-mạng thập lục năm Ất-vị quan quân đánh phá, đốt hết chết nhiều... Nhưng không biết rõ chuyện... Ông ở sát h Chăm nào kể chuyện đánh dẹp ấy ».

Tại sao năm đó Triều-đình lại tàn hại dân Chăm?

Đó là đầu-đề bài khảo-cứu nhỏ này vậy

Trước năm Nhâm-thìn (1832), người Chăm ở phía nam sông Kinh-dinh và đồng bằng sông Lũy, họp làm một phủ gọi là phủ

Thuận-thành thuộc về trấn Bình-thuận. Phía bắc phủ Thuận-thành tức là tỉnh Khánh hòa bây giờ, thời hồi đó đã có quan ta cai-trị rồi. Phía nam là phủ Hàm-thuận, cũng thuộc về trấn Bình-thuận. Trấn có quan Trấn cai trị.

Vậy dân Chăm ở len vào giữa hai địa-hạt quan Việt cai-trị. Ở hai địa hạt đó, dân Việt chắc đã đông lắm tuy năm Đinh-dậu (1837), Triều-đình còn cho lập hai sở đồn-diên ở Bình-hòa và Đại-an (thuộc Khánh-hòa). Dân Việt ở Thuận-thành chắc cũng nhiều.

Nhưng dân Chăm được tự cai-trị ở phủ Thuận-thành, được học chữ họ và không phải nộp thuế.

Ta có thể tin chắc như thế theo tài liệu sau đây:

« Năm Nhâm-thìn (1832) tức là năm thứ XIII triều vua Minh-mạng, tháng mười, phủ Thuận-thành cải làm phủ Ninh-thuận.

Ngài (chỉ vua Minh-mạng) nghĩ rằng Thị lang Lê nguyên Trung đã từng làm Hiệp-trấn Bình-thuận, rõ biết tình trạng, mới khiêu qua đó hiệp-dồng với quan trấn trấn-nghị sửa-sang công việc. Khi Trung đến, thay địa-thế chia đặt huyện An-phước, Tây-phong thuộc về

phủ Ninh-thuận, huyện Hòa-da, Tuy-dinh thuộc về phủ Hà-nh-thuận. Tại phủ thời đặt một Tri-phủ, một Giáo-tham. Tuy-phong, Tuy-dinh, mỗi huyện đặt một Tri-huyện, một Huấn-đạo. Tổng thời đặt một Chánh-tổng, nơi Hán dùng người Hán, nơi Thổ dùng người Thổ, thuế ruộng đất của dân Thổ thời chờ ba năm rồi sẽ lấy thuế. Và cao chữ họ như chữ Mai, Trúc, Tùng để phân biệt họ hàng.

Nhưng — cũng theo một tài-liệu đó — ta nhận thấy rằng năm Nhâm-tân (1832), vua Minh-mạng đã muốn Việt hóa họ và bắt họ chịu thuế!

Có quan huyện, quan phủ cai-trị trực-tiếp họ, có quan huấn-đạo, giáo-thu dạy họ học chữ Hán. Sự dạy học đó có bắt buộc không? Chữ Chăm có được dùng nữa không? Tôi không được biết. Tổng người Hán (nghĩa là người Việt) có chánh tổng người Hán, nhưng tổng người Thổ (nghĩa là người Chăm, thổ-dân) được người Thổ cai-trị. Vậy chắc làng người Chăm cũng không có « lý-trưởng » người Việt.

Vậy sự cai-trị của các quan ta còn để ít quyền cho người Chăm, không « soi bói » đến việc làng xã của họ. Có lẽ họ vẫn dùng chữ Chăm lẫn họ với nhau. Và lại, thời đó, việc quan cũng ít, thứ nhất là thuế chưa phải đóng vì các lý do ấy, nên sau năm Nhâm-thìn (1832), đất cũ của họ có bị chia làm phủ huyện dù có quan Việt

cai-trị và dạy học, họ cũng không phản-đối Triều-dinh.

— Nhưng vua Minh-mạng có dự rằng « thuế ruộng đất của dân Thổ thời chờ ba năm (sau năm Nhâm-tân 1832) rồi sẽ lấy ».

Vậy dân Chăm đến năm Ất-vị (1835) sẽ phải nộp thuế cho quan phủ, huyện người Việt?

Họ có nộp thuế không? Hay họ nộp không đủ? Hay họ đã nổi loạn chống với lệ nộp thuế đó? Hay quan ta đã hà khắc?

Tôi không được biết rõ nguyên-nhân sự thế ra sao, nhưng sự cho ta biết là dân Chăm nổi loạn theo bốn tài-liệu sau đây (tài-liệu đánh số)

1 « Năm Ất-vị (1835, tháng tư Đê-độc Bình-tou-quin là vua công Huyền, Tân-vương à Lê đư Tiem đem bên binh đánh gặc Mường ở Kha-lót, Tá-lap, phá hơn mười sở đồn, bắt sống tướng giặc là Xa Cẩn và chém giết rất nhiều, đốt hết đồn trại và thâu hết tiền lương Quân Mọi tới đầu thú hơn hai trăm đứa. Chúng nó đều nói: « Bị giặc Thổ hiếp phải theo, xin tha khỏi chết ». Bọn Công Huyền phát cho cơm rượu và khăn đỏ, hết lòng hiền dụ khiến thông, báo các Mọi trở về như cũ. Rồi đem việc ấy tâu lên. Nhà nghe ban khen, thưởng công huyền gia một cấp thưởng Đức Tiem ý lực mộ trừ. »

2 « Tháng sáu, glòng đối Chiêm-thành là Nguyễn - văn - Thừa. Nguyễn - văn - Nguyễn phải tội bị giết bỏ, vì tên Đỗ văn Hoan xưng hai tên ấy âm - thông

với giặc Khôi ở thành Phiên-an. »

3 « Tháng sáu nhuận, giặc Thổ lĩnh Bình-thuận lại tụ ở Đất bốn, đi lên xuống địa hạt Hòa-thuận, Long bản. Ân-sát Lê đư Tiem, Quân-cơ Tôn - thất - Thành đánh phá tàn giặc Triều-dinh cho Tiem và thành thắng trật, còn bnh dân các đạo đều được thưởng tiền. (Hai làng Hòa-thuận và Long bản bây giờ thuộc về tổng Đa-phước phủ Hòa-da ở đồng bằng Sông Lũy.)

4 « Tháng tám, giặc Mọi Bình-thuận đã dẹp yên cả, Dương văn Phong được thăng tham tri bộ Binh kiêm Đô-sát, nhưng lãnh Bồ chánh Bình-thuận, lại thưởng gia quân-công một cấp.

Bốn tài-liệu chép trên đây cho ta biết là dân Chăm đã nổi loạn như thế nào và quan quân Triều-dinh đã đánh dẹp ra làm sao. Ta nhận thấy như sau này:

1. Tháng tư, loạn dân Chăm bắt đầu bị đánh phá, đến tháng tám thời bị dẹp yên: họ đã chống cự bền vền được ba bốn tháng, sau khi dấy binh hai lần, về tháng tư và tháng sáu nhuận.

2. Theo các tài-liệu, có dân Mường, dân Thổ dân Mọi nổi lên, không thấy nói tới dân Chăm.

Chữ Mường đây, cũng như chữ Thổ chỉ người Chăm là Thổ dân. Còn chữ Mọi không có thể chỉ người Chăm được, nếu không sao có câu: « Quân Mọi tới đầu thú hơn hai trăm đứa. Chúng nó đều nói: Bị giặc Thổ hiếp phải theo, xin tha khỏi chết. »

Vậy ta có thể kết luận là người Chăm đã sui người Mọi nổi lên để giúp sức chúng vậy.

Quân Việt đã « chém giết rất nhiều, đốt hết đồn trại, thâu hết Mien trong. » của quân Chăm, Mọi, nhưng hơn hai trăm tên Mọi đến đầu-thù đều không bị giết, lại được cấp cho « cơm, gạo và khăn đỏ ». Ấy là để cho « sáng » thông báo các Mọi trở về như cũ. Vậy chắc là nhiều vùng Mọi lúc bấy giờ đã nổi lên và Quan ta đã muốn lấy Mọi để dụ Mọi về hàng.

3. Sử chép rằng « giồng - giời Chăm-tuần là Nguyễn văn Thừa, Nguyễn văn Nguyên phải tội bị giết bởi vì tên Đỗ van Hoan-xung hai tên ấy ám-thông vợ giặc Khơ ở thành Phiên an. »

Tôi không biết tên Đỗ van Hoan là người Việt hay là người Chăm, làm chức gì, có chứng cứ gì để buộc Nguyễn văn Thừa và Nguyễn văn Nguyên « ám-thông » (bắt liên lạc) vào tội « ám-thông » với giặc Khơ ở thành Phiên an (thực ra là Lê van Kì ở). Tên Hoan va-rao để lập công trạng? Hay quan ta đã điều ra để kềm tội giết người « giồng-giời (nhà vua) Chăm thành »?

Dù Nguyễn văn Thừa và Nguyễn văn Nguyên can tay không, ta chấp là hai người ấy đã không nổi lên với dân Chăm vào tháng tư năm Ất-vi. Nếu ta người ấy có liên can gì ở cuộc loạn thổ-dã thì xử xử rồi, không cần phải có to, Đỗ-văn-Phon đối chi tên ám-thông với tên Lê-văn-Sbôi hay là vụ cáo buộc họ tội ấy. Ta có thể dự-đoán là tuy có dân mọi giúp sức, dân Chăm không có, dân-miền hưởng ứng: những người này đã bị chết. Nhưng họ có được yên

dầu: vì họ là « giồng-giời Chăm thành » nên có lẽ quan ta đã chú ý tới họ và đã muốn cho họ phải tội chết, đồ khôi ra về sau (1).

4. Chỉ dùng đến quân quân Bình-thuận, Triều-đình cũng dẹp yên được loạn người Chăm Chắc quân lính hai bên đều ít cả. Tướng của ta là Bùi công Huân đề-độc Bình-thuận, Lê đức Têm, Ân-sát lĩnh chức Tán-trương trong quân, Tôn-tiết Tràn, Quân-cơ và Dương văn Phong, không biết trước chứa gì như sau được thăng lên Đô-đốc Bình-thuận; tháng mười lại lên chức Tuần phủ.

Cũng như bất cứ một cuộc loạn nào, sự « khởi nghĩa » của dân Chăm năm Ất-vi (1835) có người anh hùng có kẻ phản đảng: kẻ ấy thời được Tồn-tiết Tràn là một tên đầu mục

Sử cho ta biết rằng:

« Tháng mười (năm Ất-vi 1835) truy tặng chức Chánh - đội - người đầu mục sách La-văn ở tỉnh Bình-thuận là tên lý hoạch Phát.

Khi trước, quan binh đi đánh giặc Mọi, tên Kỳ hoạch Phát trước hết theo Triều-đình, ra sức do thám bắt giặc. Khi quân Triều-đình trở về, tên giặc tất đem quân đón bắt Hoạch Phát bắt phải theo nó đi đánh - Phát không chịu, ta to mắng giặc, rồi đập trán vào cây rừng mà chết.

Tuần phủ Dương văn Phong tâu lên. Ngài dụ rằng: « Kỳ-hoạch Phát là một đứa đầu mục trên Mọi mà một lòng hướng - thuận,

không chịu khuất phục, - liệt liệt đáng khen. » Nên cho tặng Cánh - đội, lại thưởng nhà nó năm mươi đồng tiền bạc Phỉ long hàng lớn và lập miếu thờ tại đồn - xứ, cho lễ một lần, ban biếu ngựa cho tể bảy người nội - nha. Ngay lại ngự các bài thơ, khai tiệc Nội - các lục tuần hai bên, một bên đốt mã - lễ, một bên - khai - tiệc - trước miếu thờ. »

« Tên giặc tất » là người anh hùng còn Kỳ hoạch Phát cuối là kẻ phản bội đối với dân Chăm.

Sự chống cự lại với Triều-đình năm Ất-vi (1835) là sự duy - binh lần cuối cùng của dân Chăm - vậy dân đó sau này sẽ không có thể chống cự bằng gươm đao với quân Việt-nam nữa. Từ năm Ất-vi trở về sau, họ bị quan ta cai-trị trực-tiếp... và thu thuế. Các quan ta đã cai-trị họ như thế nào? Có bà nào làm không? Dù sao, bốn năm sau, ta nhận thấy kẻ quả của sự cai-trị đó, là sự Việt-nam-hóa dân Chăm sống ở hạt

(1) Lại còn có kẻ đầu mục đi theo quân Việt, ra sức do thám tình hình quân Chăm để lập công như tên Kỳ hoạch Phát, đầu mục sách La-văn (xem ở dưới). Ta có thể chắc rằng sự khởi loạn năm Ất-vi (1835) là do dân Chăm - do nông dân - không muốn đóng thuế cho Triều-đình Huế: dân đó đã không được các đầu mục giúp sức mà lại còn bị họ phản bội.

Ninh - thuận, và nhất là Binh-thuận (1).

Sử chép rằng :

« Năm Kỷ-hợi (1839), tháng ba, Ngài truyền đổi các xứ Thổ dân tỉnh Binh-thuận gọi là Xã-dân. Triều-dinh nghĩ rằng chỗ Thuận thành đã đặt phủ huyện, người Thổ đã dần dần học theo thói người mình, quen tập việc quan, theo giáo-huấn rất mau, vậy nên truyền chỉ đổi làm Xã-dân để cho biết Triều-dinh coi dân Hán và dân Thổ như một ».

Tháng mười năm Nhâm-thìn (1832) vua Minh-mạng đã cho người Chăm tên họ là Mai, Chú, Tùng, tên các cây để phân biệt họ hàng, cũng như về tháng năm năm Đinh-dậu 1837 Ngài đã ban cho dân Mọi vùng Tây-ninh (ở Nam-kỳ bây giờ) các tên cây và tên súc vật, để làm tên họ như Lý, Đào, Dương, Hạnh, Ngưu, Dương, Tượng, Mã.

Có người Chăm giữ tên thổ âm của họ, như Kỳ, Hạc, Bân, nhưng cũng nhiều người — ngay từ hồi đó — đã học tên Việt như Nguyễn-văn-Thừa và Nguyễn-văn-Nguyễn.

Sau năm Kỷ-hợi (1839), chắc là tên họ Việt nam (chữ không phải tên họ) đã đem gán cho người Chăm, nói tiếng Việt. Chữ họ và cũng như quần áo Việt-nam : cái

khẩu đen, cái áo dài đen, cái quần trắng... sẽ làm cho người Chăm nhớ

hồ ngoài giống người Việt vậy.

Làng Chăm dần dần gọi tên Việt.

Bây giờ, nếu ta vào nhà huyện

An-phước, ta sẽ thấy dân sự

còn chữ Chăm thời ít người

Tình cảnh người Chăm hiện

giờ làm cho ta phải ruy ngẫm về

sự thịnh suy của các dân tộc.

Nhưng hiện giờ, nhiều người

Chăm — vì ở trong các

gia-dân — họ thường lẫn

thì nói chuyện về nhà

của họ không biết sự khác

biệt năm Ất-vi, là mười

sáu, triều Minh-mạng (1)

NG T. LAU

(1) Những nền ta đoán

về năm Ất-vi (1835)

dân Chăm phát động thuế

ruộng, còn thuế đất 2) cho

Triều-dinh Huế — vì không

có lý nào mà Triều-dinh lại

thả thuế cho họ 2) là nhận

ràng, thật là dân có đất

quan, phủ, huyện, Triều

dinh đã để cho quan Chăm,

cải trị riêng dân Chăm ở

An-phước và ở Phan-ri

(xem dưới đây)

(2) Theo sổ thuế ruộng

đã năm 1941, ở huyện An-

phước dân Chăm nộp thuế

điền 7.588 mẫu và ở huyện

Phan-ri Chăm, thuế điền

điền 8.175 mẫu và ở huyện

thị xã, 7.288 mẫu

Năm Ất-vi (1835) dân

Chăm ở hai nơi đó đã

được bao nhiêu ruộng đất?

Chắc chỉ có thể

định đại quan cai trị và

dạy học dân. Năm thìn

(1832) là đứng ở phương

điền chính là là chữ nền

vết đất (chữ) không trước

khí đất, thuế, chỉ tên một-xem

dân tỉnh như thế này đã

dân Chăm nghèo (thời năm

thế này) họ "phần" thuế

một ít ruộng đất mà gây sự

loạn, mà tất họ phải chống lại

quá hà khắc vậy.

Kháng chiến ca

(Phỏng theo điệu Tiến quân Ca)

Toàn dân Việt nam ta chung lòng
kháng chiến.

Kháng chiến cùng xâm lăng không
dội trời chung.

Cùng cương quyết hết sức đem thân
hiến.

Quyết cùng nhau đi đến nơi thành
công.

Vì giang sơn tranh đấu tinh thần.

Gắng hi sinh đời ta cho quốc dân,
Dù bao nhiêu nguy khốn không
cần.

Hỡi anh em Trưng, cùng Bắc, Nam,
Cùng ngắm gương Đống-đa (1)

Đảng-giang (2) hay núi Lam (3)!

THI-NHAM

1, 2, 3. — Nguyễn - Quang - Trung đánh tan
quân nhà Thanh ở Đống-đa, Trần hưng Đạo
phá vỡ quân Mông-cổ ở sông Bạch-dăng, Lê
Thái Tổ khởi nghĩa ở Lam sơn, đánh đuổi
quân Minh về nước, đều là những bậc anh
hùng cứu quốc.

(1) dân Chăm — lên lầu việc
khí đất, thuế, chỉ tên một-xem
dân tỉnh như thế này đã
dân Chăm nghèo (thời năm
thế này) họ "phần" thuế
một ít ruộng đất mà gây sự
loạn, mà tất họ phải chống lại
quá hà khắc vậy.

Khanh' Chục Tà

của NGUYỄN THI BÍCH

Số 12

Ung-hoà NGUYỄN-VAN-TỔ

Pháp-nhân chẳng chịu bảo-phò (1)
Rằng tôn người khác, giao cho thành-trì.
Có quan tổng-Đốc Bất-kỳ (2)
Tên là Hữu-Độ, bốn tri (3) vào kinh.
Trách rằng: « Đến nỗi mất thành,
Làm tới như vậy, nghĩ mình phải chừa. (4)
Quyền đang nay hãy tặc cụ,
Đề coi sửa việc bao giờ động song. »
Pháp-nhân lập ước hội đồng,
Nhưng điều lớn hiếp, khó lòng y theo.
Văn-Tường chẳng chịu thuận chiều,
Trái tình Hữu-Độ, mượn điều Bắc qui (5)
Pháp quan khiến chớ tri-nghi.
Đặt ai nên kịp liệu đi chớ chầy.
Văn-Tường triền yết tấu bày,
Gửi rằng: « Xã biển phải rày tày nghi,
Vả nay nhà-nước gian-nguy,
Đều nhờ thánh đức duy-trì chắt-chương
Nổi ngôi, nguyện đổi tiên hoàng, (6)
Mới yên sửa dạ, kéo thương tâm tình »,
Phán rằng: « Sử ấy đã đánh,
Kiên-giang chín đó một mình mà thôi.
Lớn khôn tính sửa nét lời, (7)
Đặng nên, ấy cũng là trời phước cho.
Ngửa nhờ liệt thánh âm phò,
Họa là may lại qui-mô vũng biển. »
Văn-Tường gửi: « Ý rất nên,
Xin ban ý-chỉ về truân Pháp-nhân. »
Vài ngày bỗng thấy báo rằng: (8)
Pháp-quan đã bắt Nguyễn-văn-muống tầu (9)
Thất-kình việc ấy bởi đâu?
Văn nghe có phiên gửi tấu vạ tình.
Rằng: « nay Pháp-quốc thống-binh.

Trách quan phụ-chính lệnh hành chẳng song
Hẹn cho hai tháng giao cùng,
Việc chi việc nấy hết lòng sửa soạn.
Trong ngoài đều thấy cho an (10),
Nay đã quá hạn lại càng phân vân.
Vả nên cứ phép nghiêm răn,
Đầy ra hải đảo tội chẳng dung rày,
Còn như việc nước Nam đây
Có người Hữu-Độ tài hay khá dùng. (11)
Phan-dình Bình cũng tới trung,
Giao-hai người ấy đồng lòng toan đang.
Bắc-kỳ Trong-Hợp sửa sang,
Quyền thay kinh-lược một phương giữ gìn »
Cải đồ (12) ngõ nước mau yên,
Sấm-bó khám-sứ xin lên tầu bày.
Sư này mới thấy xưa nay,
Chẳng cho thì sợ biết rày làm sao?
Hãy cho thử việc thế nào?
Minh-khiêm truyền dọn đồ vào triều tham.
Y khôn biết phép nước Nam,
Rằng cho thấy mặt mới cam sửa lòng.
Chữ xin tạm cuốn sáo rồng,
Yết rồi bỏ xuống, ngõ cùng hải-han.
Lạ làng diện mạo y-quan,
Dạ-soa mẽ dạng kinh-hoàng siết mố.
Tiếng như chim chóc lưu lo,
Nguyễn-Hoàng thông dịch phán-phé mới tường.
Rằng: « Nguyên hai nước ước thang (thương)
Chín vì ích lợi bảo an (an) lâu dài.
Vì người nghịch thuyết (13) cãi lời,
Vả nên đến nỗi ương tai rối loạn.
Nhờ nay giám quốc rộng khoan,
Thành-trì đất nước giao hoàn lại cho
Nguyễn-văn-Tường vụng mưu lo,

Đề cho đến nỗi cón-dờ nhĩu-nhuong,
 Muốn mau dựng nước vững-vàng,
 Phải toan canh lập quốc-vương mới dành.
 Hoàng-trư có đồ sẵn dành,
 Phụ-truyền tử-kế chính danh phạn rồi,
 Cầm quyền xử trị có người,
 Đất thành giao lại giữ coi hệ trị,
 Hàm-nghĩ xa lánh nơi mớ,
 Dẫu về thời cũng phong cho công hầu »
 Mấy lời nghe rõ trước sau,
 Hỏi quan mình: « Ấy Pháp lâu đương nào ?
 Hai quan đồng tiếng gửi vào,
 Chúng tôi cũng dạ ước ao đêm ngày,
 Quý-quan phán vậy rất hay,
 Nghiệp lánh con nôi đá rày mới yêng (yên)
 Trước nhờ thánh-đức chủ trương,
 Sau nhờ thái-hậu mới-giềng sửa sang.
 Bảo-phò lại có quý-quan,

(Xem tiếp trang 16)

1) Thành là bức tường sao; trị là ao; nhưng chữ trị đi theo chữ thành thì nghĩa là hào ở trong thành. Mạnh-tử có chữ « thành sao, trị thâm » nghĩa là « thành sao, hào sâu » cốt để giữ gìn những dinh-thự trong thành được vững-vàng bền chặt.

2) Câu « Có quan tống-đốc Bắc-kỳ, tên là Hứa-Độ bốn tri vào kinh » bản nôm phê bốn chữ « Đợt như kỳ lai », ý nói đường đột chạy vào không có ai triện.

3) Tri là đuổi; nghĩa đen là ngựa chạy. Tác giả sử-dĩ đặt hai chữ « bốn tri » là có ý chế Hứa-Độ không ai gọi mà tự nhiên chạy vào.

4) Câu « Trách rằng đến nỗi, mất thành, làm vói như vậy, nghĩ mình phải chưa ? » bản nôm phê bốn chữ « thùy chi quá rư ? » nghĩa là « Lỗi ai đó ra ? » ý nói Nguyễn-hữa-Độ trách các quan trong triều để kinh-thành thất thủ là có lỗi. Nhưng chính Nguyễn-hữa-Độ lại là người làm cho thành Hà-nội bị thất thủ trong khi cụ Hoàng-Diệm tử tiết. Hứa-Độ vì có « công » ấy nên được người Pháp cử làm quyền tống-đốc Hà-ninh. Lời phê này thật là nghĩa năm bia miệng.

5) Câu « Trái tình, Hứa-Độ mượn điều Bảo qui », bản nôm phê một câu rằng: « thê hồi sinh xuất vô số việc hay ! » Câu này cũng lại chỉ-trích Nguyễn-hữa-Độ. Chữ « hao sự » chính nghĩa là « việc hay ». Nhưng ở câu này lại là những việc

không hay. Xem một việc mình là bậc đại-thần thay mặt cả Bắc-kỳ vào kinh-đô, mà lại đối bề tôi thì đã biết kẻ-chỉ trẻ con.

6) Nguyễn đổi liên-hoàng là xin lấy đồng đổi vua trước, ý nói con nôi vua tự-đức hiện còn kiến giang-quận-công Ưng-kỹ, năm ấy đã hai mươi ba tuổi (sau là vua Đồng-Khánh).

7) Lối là chỉ xe không chặt, nết lời là nết bỏ g-phôi không nhất định, câu « Lớn khôn tính sửa nết lời » ý nói tính nết đã sửa đổi đương dần.

8) Câu « Vài ngày bỗng thấy báo rằng: Pháp quan đã bắt Nguyễn-Văn xướng tâu », bản nôm phê bốn chữ « lộng xảo thành chuyêi » nghĩa là « khéo quá hóa vụng », ý nói chính Nguyễn-văn-Tường có ý hòa với tây-trước, mà lại bị Tây bắt và làm tội.

9) Rừng câu « Pháp-quan đã bắt Nguyễn-Văn xướng tâu » bản nôm lại phê một câu rằng: « Tự thị ngã-nam nhân chủ sự » nghĩa là « chính có người Nam ta sai ».

10) Câu « Trong ngoài đều thấy cho an, nay đã quá hạn lại càng phẫn oán », bản nôm phê câu « Bực gia chi tội, hà hoàn vô từ » nghĩa là « muốn thêm tội, lo gì không có » ý nói người Tây đồ tại Nguyễn-văn-Tường quá hạn, nên bắt tội, người cầm bút phê cho rằng muốn bực tội, thì nói thế nào mà chẳng được, việc gì phải làm có quá hạn !

11) Câu « còn như việc nước Nam đây, có người Hứa-Độ tại hay khá đáng... » bản nôm phê rằng: « Ngạn văn tác cụ hừa nhân thực, tin nhiên ! » nghĩa là « Tựa ngạn có câu làm dễ cho người ăn, thật đáng » vì bốn tên đồ giáng hòa thì Nguyễn-văn-Tường khó nhọc, mà đến lúc được phá giải thì Nguyễn-hữa-Độ được hưởng.

12) Cắt là dỗi, đồ là lo toan, nghĩa là mưu tính đường khác.

13) Hai chữ « nghịch thuyết » là lời người Pháp, còn như người Nam ta thì nên tôn trọng ông là một bậc trung thần đã biết hy-sinh vì nước. Phàm đời nào cũng vậy, họ sau ăn cướp của họ trước, những bề tôi của họ trước không theo, nên gọi là nghịch-thuyết. Đến Tâu ngày xưa cũng có một cảnh-ngộ ấy nên có câu « Chư chi ngoan dân, Thương chi hiền thần » nghĩa là « những dân ngoan ngoan của nhà Chu, tức là hiền thần của nhà Thương », Tôn-thất Thuyết chính là phản nghịch của người Pháp mà là trung thần của nước Nam, nếu đình-thần bấy giờ, ai ai cũng là « nghịch Thuyết », thì có lẽ nước Nam không mất về tay người Pháp đến sáu mươi năm nay.



TÀI LIỆU

ĐỀ ĐỊNH CHỈNH NHỮNG BÀI VĂN CỎ

36 90

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

GXXXV. — Kim-Vân-Kiều
(bài nối)

Hồi thứ năm

Thúy-Kiều ngồi khóc mãi, đến lúc trời gần sáng, Thúy Vân thức dậy, hỏi: « Chị dậy từ bao giờ? » Thúy-Kiều đáp: « Từ nửa đêm, chị nằm thấy một cái ác-mộng: xem đời chị tất phải lưu-lạc. Trời sinh cái mệnh của chị, bắt phải như thế, chị cũng không oán giận gì... Chị có làm tám bài thơ, đầu bài là *giấc mộng tình*. Khi nào Kim-Trọng về, em đưa cho chàng xem, và nói hộ chị rằng: Đó là 'tuyệt-bút' lúc chị ra đi. » Thúy Vân hỏi: « Chị thấy thế nào, mà gọi là ác-mộng? » Thúy-Kiều nói: « Nếu thuật lại, chỉ thêm đau lòng, thôi nín đi còn hơn ». Thúy Vân cầm thơ loan xem, thì thấy có tiếng gõ cửa, liền đứng dậy mở, thấy mẹ vào, đến trước mặt Thúy-Kiều bảo rằng: « Nay con ơi cha bảo sống chết có trời, phải theo số mệnh. Nếu cha không qua khỏi tai nạn, thì cả nhà cùng chết, chứ không nở để một mí máu con phôi-lưu mà cả nhà cùng sống ». Thúy-Kiều gạt nước mắt, nói rằng: « Cha con nói

như thế, thật là lời một bậc từ phụ. Nhưng mắt con, trông thấy cha mắc tai nạn, thì dù con có gặt mình con mà khỏi được tai-họa, con cũng không tiêu; huống chi bản mệnh, cũng chưa đến nỗi chết kia mà! Con thiết tưởng nếu con không bỏ cái thân của con, thì cha con và em con thế tất chết ở chỗ lao-th. Đến lúc ấy vợ góa con côi, không ai thân thích, không lấy gì nuôi sống - sợ chẳng lưu-lạc làm tỵ-thiếp người ta ư? Đến đến lúc nhà tan người mất, mới làm tỵ-thiếp, chỉ bằng ngày nay bỏ mình để cứu cha! Trời không phụ, thì tự khắc sa vào chỗ tử-vi mà được yên thân, cũng chưa biết chừng. Xin cha mẹ bớt tất lo nghĩ đến thân phận con ». Người mẹ khóc to, nói rằng: « Con ơi! Ai sinh ra con? Ai nuôi con lớn bằng ngần này? Sao nỡ đem bán làm tỵ-thiếp người ta? Con chưa hiểu cái cảnh ngộ làm tỵ-thiếp khổ gì biết là chừng nào! Như bây giờ hẳn yêu con, thì được sung-sướng. Khi về nhà hẳn, trông thấy vợ cả, cảnh-ngộ đã không vui, người chồng có yêu con đến mười phần,

bị chúng nói ra nói vào cũng gảm mất tám, chín phần; huống chi chưa hề được người ta có thương con đến trời đất không? Lúc bấy giờ đánh chửi tự hân, sống chết tự hân, cái thân con sợ không chịu nổi những sự khổ sở ấy. Từ thuở nhỏ con được cha mẹ chiều chuộng, inh thì h hoa mỹ, đến khi về nhà người ta làm tiền-hiếp, thì phải t tặc khuya dậy sớm, làm ăn khó nhọc... Giờ này nghĩ đến chỗ đó, thật là đau đớn gặt người ». Nói rồi, lăn xuống đất khóc. Thúy-Kiều vội vàng đến trước ôm lấy đầu gối kêu rằng: « Mẹ ơi, tỉnh dậy! Mẹ ơi, tỉnh dậy! con chẳng qua mới là bản mệnh, chưa đến nỗi chết, thế mà sao mẹ đau đớn đến ngất đi bất-linh, chẳng hoá ra con giết mẹ ư? Cha con và các em con là người ở đâu? Mẹ nên giữ gìn tính mệnh cho con thân, để được thấy mặt cha con và các em con. May ra được hoàn toàn, thì cái thân con này chết ở tha-hương khách-dạ cũng cam-tâm. Nếu mẹ cứ buồn rầu như thế này, thì không biết chết hay sống. Con đã chết, cũng không nhắm mắt ». Thúy-Kiều vừa khóc vừa nói, tay

miệng mẹ và lau mặt. Vương-bà dần dần tỉnh lại, nói rằng: « Con ơi! ta nghĩ nếu con không đi, thì cha con không sống được. Nếu cha con sống, thì con tất phải đi. Một đảng chết thành ra vĩnh biệt, một đảng sống mà phải xa nhau: hai đảng đều đau khổ như nhau, ta thật không nở trông thấy quang-cảnh ấy. Chỉ bằng ta chết trước, chứ con mất ta thật không nở trông ». Nói rồi, đâm đầu vào cột, định tự tử. Thúy-Kiều-Thúy - Vân vội vàng ôm lấy mẹ, nói rằng: « Nếu mẹ chết thì lại thêm ra một chuyện nữa ». Ba mẹ con kể lể tình thương, rồi ôm nhau khóc to, khóc đến nỗi không ai khuyên giải nổi...

Chợt nghe ngoài cửa có tiếng người. Thúy-Kiều nói: « Xin mẹ hãy nín đi, cha con đã về kia ». Cả ba mẹ con đều nín bật, mở cửa, quả nhiên thấy cha, em và Chung - công cùng mọi người với người khách họ Mã, đi vào. Vương viên ngoại trông thấy Thúy-Hiếu, động lòng khóc nước - nỡ, Thúy-Kiều thưa rằng: « Xin cha hãy nín đi, để bàn định xong việc đã, bây giờ cha sẽ khóc cũng không muộn gì ». Cả nhà đều im lặng, Vương viên ngoại mới nín, Thúy - Kiêu nói với Chung - công rằng: « Như bây giờ tôi có tiền, xin hỏi ông làm thế nào cho cha tôi và em tôi qua khỏi một cách thanh - thoát. Giao cho tôi một tờ làm chứng-cớ, tôi sẽ giao tiền cho ông, xong rồi tôi sẽ đi theo người đã đưa tiền để cứu cha tôi và em tôi. Như thế là số bạc này,

quả thật không có xui giay mình lạc thì việc gì phải bắt tôi đến chỗ quan-ty cho thêm khổ thêm xấu. » Chung - công nói: « Tôi ở chỗ nha-môn đã già đời: việc gì tôi giúp được người ta, tôi mới ăn, nếu không giúp được thì không ăn bao giờ, nên quan trên biết tôi là người trung - hậu mà tin dùng, bậu hưu biết tôi là người thật - thà thẳng - thắn mà nhờ cậy. Nay cô vì lệnh-tôn phải bán mình, thì cái đồng tiền ấy nghĩa-lý thế nào, tôi đã biết lắm. Ba trăm lạng bạc ấy, cứ gửi ở nhà tôi, rồi cũng lệnh-tôn và lệnh độ đến yết - kiến quan bản hạt trước, xin tờ bằng-chứng, để đối với nhà cô từ nay về sau không can - thiệp gì nữa. Rồi sau mới đem số bạc đưa đi. Còn đối với người khách họ Mã, tôi sẽ nói rõ ràng để người ta biết rằng: Ông cứ giao số bạc cho bản, công việc nhà họ Vương tôi đảm nhận hết. Trong nha-môn có điều tiếng gì, tôi sẽ xin các ông ấy ngó đi được hết, ông nên bảo những người danh-sắc trong làng ông làm một tờ trình lên quan, quan trên sẽ có ấn-tin, nhận cho nhà ông không can gì. Bằng tôi lại viết một tờ chứng - thư bảo toàn việc của lệnh - tôn về sau không xảy-ra sự gì cả. Có còn sợ gì nữa? » Thúy - Kiêu thưa rằng: « Nếu làm được ăn - thỏa như thế, thì tôi không lo ngại gì nữa ».

Chung - công ngảnh về phía người khách họ Mã nói rằng: « Ông cứ đưa số bạc cho kỳ tôi, đợi tôi thu-xếp xong công - việc của

nhà họ Vương, tôi sẽ báo số con gái lớn của viên - ngoại phải đi theo ông ». Người khách họ Mã xem chừng ngần ngại, Chung - công nói: « Không hề gì, Vương viên - ngoại là người trung hậu, mà tôi lại đảm-nhận việc ấy. Nếu có ai nói gì thì cứ tôi. Tôi sẽ viết một tờ nhận - lĩnh đưa ông ». Người khách họ Mã nói: « Nếu được như thế, tôi xin giao tiền ngay ». Chung - công bèn cầm bút viết một tờ *Ước định tiền* như sau: « Tôi là Chung - Sự làm tờ quản - nhận như sau này: Nay có hiếu-nữ là Vương - Thúy - Kiêu vì cha bán mình làm tìu-thiếp người họ Mã, định tiền sinh-lĩ bốn trăm năm mươi lạng bạc, tôi nhận số bạc ấy, hẹn trong ba ngày thu xếp xong việc ở quan - nha. Vì sợ lòng người khó tin, nên viết tờ quản - nhận này làm bằng » ngày 15 tháng tư năm 14 hiếu Gia - tính 1532. » Dưới (ở có mẹ mỗi họ Hầm làm chứng. Chung - công viết xong, đưa cho người khách họ Mã, họ Mã xem xong, cất đi, rồi nói rằng: « Đã có ông đảm-đương, tôi xin vâng lời. Nhưng nên viết luận tờ hôn - thư, để tôi giao số bạc cho tiện ». Chung công ngảnh về phía viên-ngoại nói rằng: « Việc này ông không nên đề cập, vậy thì viết hôn-thư đi, để lấy tiền trang xếp cho xong việc ». Viên-ngoại nghe nói, óa lên khóc nước khóc nỡ, nói không ra hơi. Vương-bà và Vương - Quan, Thúy-Vân cũng khóc nốt, thế là cả nhà cùng khóc. Thúy - Kiêu trông thấy quang cảnh ấy, cũng không khỏi rỏ nước mắt, nói với Chung - công

rằng: «Thưa ông cha tôi nỡ nào viết văn-khố bán tôi, ý-ngi ấy là tự tôi, tôi tôi có thể tự làm hôn-hu được». Chung - ông bảo rằng: «Cổ nói có lý». Thủy - Kiều bèn mài mực trái gậy, lăn bút sấp viết, nghĩ đến Kim - Trọng nước mắt nhè nhè, lại sợ cha mẹ đau đớn, đành gọt nước mắt viết hôn-hu như sau này: «Tờ là Vương - Thủy Kiều vì cha bị mắc vào vòng lụy-tật không cứu được, tình nguyện gả làm tiểu thiếp họ Mã định sinh lễ là hôn trăm năm mười lạng, cùng ngày hôm nay đã nhận đủ, khi đã về nhà chồng hoặc ở hoặc đi, xin theo người chồng quyết định. Sự về sau không có bằng-cớ, nên viết hôn-hu này. Ngày rằm tháng 4 năm 11 hiệu Gia-thịnh. Viết hôn-hu là người con gái tên Vương - Thủy - Kiều ở. Rồi viết sẵn cả tên những người có mặt ở đây, là Chung - Sư, mẹ mỗi họ Hàm. Cha là Vương - tử - Trinh, mẹ là họ Hà, em là Vương - Quan.

Thủy Kiều viết xong, ký tên rồi, đưa cho mẹ mỗi, mẹ mỗi ký rồi đưa cho Chung - ông. Chung - ông ký xong, đưa cho viên - ngoại, rồi nói rằng: «Nay ông ký mấy chữ để lấy tiền». Viên - ngoại khước nói rằng: «Ông ở lại tôi là cha, tôi không thể vấp con gái, tìm chỗ cứng đồ phải trả, mà tác - thành cho chúng nó hay lại sợ nó bán mình, thì trong lòng sao yên? Tôi khôn nỡ ký vào tờ giấy ấy». Thủy Kiều nói rằng: «Cha mẹ ký vào hôn-thư này, cũng như không sinh con mà thôi? Viên ngoại cũng nói vậy, như dầu đổ vào dầu, như đao cắt ruột, chạy lại trước Thủy

Kiều nói rằng: «Cái thân khốn khổ này, sinh ra con bằng ngân ấy nuôi cho con bằng ngân này, đến bây giờ con đã lớn, chồng, cha lại không tìm được chỗ xứng đáng, gây dựng lấy gia - đình hạnh-phúc cho con! Để con phải bán mình cứu lấy tính - mệnh cho cha, cả mệnh khốn khổ này được ích gì? dùng làm gì?». Nói xong đâm đầu vào tường, may lúc ấy Chung - ông ở cạnh, ngăn ngay được. Thủy Kiều vội vàng đứng dậy ôm lấy cha, nói rằng: «Cha là chủ trông một nhà, cả nhà đều trông cậy vào cha, sao cha lại đoán kén như thế? Nếu cha chết thì mẹ con làm thế nào? Em thì con làm thế nào? em gái con làm thế nào? Không lẽ để em thân con lưu-lạc sống chết chốn tẩu - hươg, ngay như ba người ấy cũng bị phải lưu. Xin cha nghĩ lại cho kỹ: thân thể cha quan-hệ lớn lắm, sao nỡ tự-kại như thế? Nay tuy mắc nạn, nhưng rồi ra con sẽ nạn, em con đi học, há không có tiền đến nạn? Bây giờ cha-môn-thưg - t - t - t, cả phủ - quí là vinh - hoa. Nếu quả thực là thế này không quên cho một con dúi đi tìm con, há thấy con rồi sẽ cũng các em con cũng họp mặt. Tức là cái ăn - t - t - t của cha. Nếu ngày này cha chết đi, thì chẳng được ích gì, mà thêm tại». Viên ngoại bảo rằng: «Lời con nói tuy là phải, nhưng cha không nỡ bỏ con được». Thủy Kiều thưa rằng: «Sự đã đến như thế, không còn cách gì khác nữa, đành gả cho người. Cha là một bậc đại-trượng-phu, nên vượt cái lòng thương nhỏ mọn, để thành

việc lớn việc gì còn bắt chước cái thói của nui - nữ, mà làm mất cả chí-khí an - bụng! Con đã làm nổi người, con gái «sát thân thành nhân» (bỏ thân mình để nên việc có nghĩa-lý), cha há lại không làm nổi người trượng-phu «mình trời, bảo thân» (sáng suốt giữ mình) hay sao? Cổ-nhân có câu: «đương tử phòng lão» (nuôi con để phòng tuổi già). Lại có câu: «gia bất kiến tiểu tử» (nhà nghèo mới thấy con có hiếu). Nay chính là lúc ấy, nên phải làm một việc bất-bủ, để đời sau xem. Tuy gọi là bất-nhận mà thật là đại-bhận. Huống chi số con nguyên là bạc-mệnh, không hẳn-tận thì chết non. Giả như con bị bệnh chết rồi, thì đã có lòng hiếu, cũng chẳng ai biết đâu mà thương xót. Nay chẳng may gặp tại họa này, cha bị mắc nạn, lại tác thành cho con là hiếu-nữ, cái tiếng thơm còn để lại, há chẳng phải là việc rất tốt đó ru? Con đã chịu cam lòng bỏ nhà ra đi, thì cha cũng nên bớt cái lòng buồn rầu đau đớn. Thì việc không đợi nữa đâu, không nên chậm-trễ. Cha nên ký cho mấy chữ, đợi Mã-sinh đến giao sổ bạc, thế là xong việc». Cả nhà đều khâm-viên-ngươi rằng: «Cổ-nhưng nói có lý lắm. Làm đến con gái mà đi ra khỏi nhà, chính là lúc đi lấy chồng; huống chi từ đây tới Lâm-trì cũng không xa mấy? nay mới xong việc, ông đến thăm con, có bề gì đâu. Có như Chên-quên ra khỏi cửa đi vào nhà bõn thì dân đến, để phụ tấm lòng hiếu của cô-nương».

(Xem tiếp trang 17)

BÀN GÓP PHÉP CÔNG

(tiếp theo trang 11)

thì mới được tư đơn kiện. Như vậy, nếu nhà nước bảo hộ chiếm quyền của một xã nào. Một cách bất công, cũng chẳng khi nào bị đòi gọi lên tòa kia. Bởi vậy, chính phủ thực dân được lòng quyền, bằng cách lợi dụng quyền Nam Triều cũ.

Luật xưa bên Á Đông và bên ta không gọi con việc có thể phát hiện là một người tư kiện nhà nước, hay là chính phủ làm thiệt hại một món gì, có chuẩn dịch bằng chứng tỏ tường. Nhà

Vả lại Mã-sinh đã nói vợ cả không con. Nếu cô-cương về nhà họ Mã, mã sinh được một con trai, thì cả nhà không ai dám khinh là tiều-thiếp, không những chồng sinh nở, cả chính thế cũng phải yêu vi. Nếu mã sinh không hay, gã làm vợ cả một người, mã sinh không con, rồi sinh ra buồn bực, gia tài hoang phí, chẳng phải sâu khổ suốt đời ư? Như thế, là rõ số mệnh tốt hay xấu, chứ không kể gì vợ cả hay vợ lẽ. Chúng tôi lại nghĩ: Mã-sinh đem số nên đi tìm tiều-thiếp, cốt cầu con trai, mà cô có lòng hiếu như thế, tại trời cũng báo-ứng cho cô có con trai, về sau chắc là sung sướng. Vương ông không nên lo xa gì nữa, mau mau tỵ vào cho xong việc. Viên ngoại cười đầu, không nói được câu gì nữa. Chưa biết có chịu kỷ hay không, xem hồi sau sẽ rõ (Lược dịch quyển Kim Vân Kiếu của Thanh Tâm Tài Nhân số A 953, từ 48 a - 55 b).

(Còn nữa)

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TỐ.

nhờ đã quen tư tưởng, theo lối chính trị của không giáo thì lấy làm ngạc nhiên thấy một kẻ công dân đi kiện chính phủ. Sự này tưởng chừng quái gở, nếu người ta đã mở rộng nghĩa câu dân vì qui đến cỡ này, thế công làm gì vậy. Một kẻ làm sự bất công, đầu rang quốc gia hay là chính phủ nào mặc lòng, cũng có thể đem lên tòa án xét nghĩ bởi vì tường. Luật quốc tế hiện thời bình như cũng chẳng qua được cái nhẽ đó.

Nhưng từ chỗ lý thuyết đến chỗ thực hành, đường đi rất dài vậy.

4. Hiến pháp Việt-nam tương lai.

Để mà đặt hiến pháp Việt-nam tương lai, nhà lập pháp hiện nay đã nghĩ đến sự cân nhắc của những hiến pháp đủ sẵn có trong các nước Đông-miền, dân chủ chính thể như Mỹ, Nga, Hoa, mà nhất là Mỹ vì xưa cũng ở trong một tình cảnh phải kháng chiến như nước Nam đương thời, là thuộc địa đòi quyền độc lập. Nhà khảo luận luật học không thể vì thế mà không nhìn đến chính thể dân chủ cộng hòa của Pháp. Chính thể này, cứ nhờ tuyên ngôn an ninh quyền dân quyền dân rằng đã lâu năm đã trải qua hai hồi đại chiến tranh mà vẫn còn khôn cũ, vững chưa chút gì hoàn hảo, đến nỗi không thể chế được. Quả thế vậy, xã hội chính trị người Pháp, có nhiều sự thối nát, ngấm ngấm, nhiều chỗ quyết liệt, nhà lập pháp không thể nom rõ được trong lúc thực hành, mà chỉ chấp hành tại cơ ý che đậy để lo công lao của chính phủ đối với quốc dân. Vì thế, ta thường thấy những việc "chặt" là những phản-kinh triết thức thời trong quốc dân, họ đều biết là vô nhân đạo, trái công lý, mà vẫn được chính phủ bênh

vực không thôi, cứ chuẩn y như bị bưng mắt, chính sách bức dân cho lợi riêng làm một tài phiệt là một trang những việc kia.

5. Việt-Nam dân chủ cộng hòa hiện thời với La-Mã dân chủ cộng hòa đời cổ.

Lịch sử sau này hẳn rồi được so sánh về nước Việt Nam hiện thời với La-Mã đời cổ, dân tộc ta đã quyết chí no bình thể dân chủ cộng hòa như La mã ấy, duy không muốn xâm lăng các dân tộc khác để mong tư lợi; chỉ nghĩ đến việc quốc phòng, sự phú nộ dân sinh là những mục đích tối cao vậy.

Dấu cò La Mã đã lập thành một chính thể dân chủ rất hợp với chính lí, đã sản xuất những đạo luật làm khuôn mẫu cho các nhà lập pháp nước cộng hòa Âu Mỹ hiện thời.

Bản luật gọi là mười hai bản của dân La Mã xưa một câu nói rằng: Điều gì mà dân chúng sẽ đã định ra sau cùng ấy là luật đấy. Câu ấy do tiếng Pháp dịch: Ce que le peuple aura ordonné en dernier lieu sera la loi.

Lịch sử dân nước La mã (từ năm 509 đến 300 trước Thiên Chúa sáng sinh) cho ta biết rằng dân nước ấy đã có hai phe hướng song một nhau là phe ruộng rẫy phú hộ và phe binh dân. Phe binh dân phải gánh vác việc nước, như chế độ dân các nơi, mà được quyền lợi rất ít, đến nỗi khi đã chính chiến thắng lợi về nước bị ngèo đói, họ phải bán mình làm nô lệ. Phe binh dân này không được làm những chức lập pháp, không được giữ chức lãnh sự với người trong phe ruộng rẫy. Vì vậy, cho nên phe binh dân đã nhiều phen nổi dậy mà đòi những quyền tự do bình đẳng. Rút cục sau La mã chỉ có một hạng công dân mà thôi vậy.

BỐ-THÚC

HẠNH THỰC CA

(Tiếp theo trang 8)

Ất là binh-trì phục hoàn như xưa » (14)

Thoáng nghe mọi nỗi bày thưa,

Phán rằng: « Ấng vậy cũng nhờ các người

Nay ta đều thấy y lời.

Đó-thành khá kịp giao lai chớ chầy,

Kiên giang công rước về đây,

Xung-khiêm tạm chớ chờ ngày hồi đó.

Làm sao cướp đặt lại cho (15)

Vì dân mến chúa phải lo phục người.

Nền nhân cội đức lặn bồi,

Dù mà muốn kiếp nào trời khăng cho.

Ước lòng Pháp-quốc hộ phò,

Trước về ngõ dặng thăm dò đường bao ».

Quan minh lễ tập hội châu,

Kinh-thành bên khiếm bàn-giao lúc kỳ.

Tôn-thần có dạ kính vi,

Xem tình chẳng chút man khi lộ mưu,

Sai quan các việc rõ lâu.

Xin hầu tể giá khá mau ngự hồi. »

Trong khi (5-7 1885) Tôn-thất-Thuyết đem vua Hàm-nghị ra Quảng-trị, và thân các nơi nổi lên, khởi nghĩa để khôi phục giang sơn; Cố nhiên người Pháp không chịu bảo-phò; họ nói rằng: « Phải tôn người khác làm vua, thì mới giao trả thành trì ». Lúc ấy có quan tổng-dõ ở Bắc-kỳ là Nguyễn-hữu-Độ vào kinh, trách các quan trong kinh rằng: « Đồ kinh thành thất-thủ, làm bề tôi mà như thế, nghĩ đã phải chưa? Các quan có quyền đảm-dang công việc, thử ra sắp đặt xem bao giờ xong ». Người Tây bội-dồng lập giao-ước, có những điều lẩn-hiếp không ai chịu nổi. Nguyễn-văn-Tường cũng không chịu chiều lòng người Tây, thành ra trái ý Nguyễn-hữu-Độ. Độ mượn cớ về Bắc. Người Pháp thì giục lên ai làm vua thì nên cheng-chống để liệu việc khác. Nguyễn-văn-Tường vào châu rồi tâu với thái-hậu rằng: « Xử lúc biến thì phải tòng quyền mà tùy nghi. Nhà nước đang gặp lúc gian nguy, đêm nọ thánh dứ: duy trì chủ trương nên bàn đến việc nối ngôi, xin cứ theo dòng-dối tiên-dổ, thì mới yên tâm mà không tổn hại ». Thái-hậu phán rằng: « Việc ấy đã đành, hoàng-tử chỉ còn một mình Kiên-giang-công, nay đã lớn khôn, tính nết đã sửa đổi nên được lên cũng là trời phò cho, và nhờ liệt thánh âm-phò, may ra lại được

qui-mô vững-bền ». Nguyễn-văn-Tường tâu rằng: « Rất phải, xin ngài ban ý-chỉ để truyền cho người Pháp biết ». Được vài ngày bỗng có tin báo « Người Pháp đã bắt Nguyễn-văn-Tường xuống tàu rồi ». Thuyết nghe ai cũng thất kinh rụng rời, không biết duyên cớ bởi đâu? Thì vừa có phiên của người Pháp tâu rõ sự-tình rằng: « Chức thống-binh của nước Pháp, trách quan phụ-chính lệnh hành không xong, hẹn cho hai tháng phải bàn giao, việc gì việc ấy phải hết lòng sửa soạn, trong ngoài đều phải yên ổn. Nay đã quá hạn mà việc lại càng rối. Vậy nên cứ phép mà nghiêm trị, tội ấy phải đẩy ra hải-đảo, chứ không dung-thứ được. Còn như việc nước Nam đây thì đã có Nguyễn-hữu-Độ là người tài-cán dùng được, và Phan-dinh-Bình là người trung-thần, giao hai người ấy phải đồng tâm hiệp lực để đảm-dang việc nước. Ở ngoài Bắc-kỳ thì giao cho Nguyễn-trọng-Hợp, quyền chức kinh-lược để giữ gìn một phương ». Muốn mưu toan cải cách cho nước được mau yếu, khâm-sứ Pháp là Sâm-bô (De Champeaux) xin vào triều yết: Việc này mới thật là việc lạ lùng xưa nay! Chẳng cho thì sợ, biết làm sao bây giờ. Đành phải y cho, thử xem công-việc thế nào. Truyền dọn một nơi ở Khâm-cung để cho khâm-sứ sang châu. Khâm-sứ Sâm-bô cũng biết phép nước Nam (Thái-hậu cầm quyền thay vua, gọi là « thấy liêm » nghĩa là khi coi châu thường buông dèm, tức mảnh-mảnh, tiếng Trung-kỳ gọi là sáo, không cho đình-thần thấy mặt). Nhưng Sâm-bô lại xin được trông thấy mặt mới cam tâm, hẳn tâu rằng: « Xin hãy tạm cuốn bức sáo vẽ rồng, lăm lẽ triều yết xong thì lại bỏ xuống, rồi sẽ hỏi han công việc ». Ngờ đâu khi thái-hậu trông thấy Sâm-bô, nào diện mạo, nào y-quan, thật là lạ-lùng, chẳng khác gì quỷ dạ-xoa, (loài quỷ hiện hình rất xấu-xí) làm gì mà chẳng kinh-hoàng; đến tiếng nói thì lưu-lu lưu-lường như tiếng chim chóc. Có Nguyễn-Hoảng thông-ngôn dịch ra tiếng ta mới rõ. Đại-y khâm-sứ tâu rằng: « Nguyên hai nước thương-thuyết, lập ra điều ước, cốt vì ích lợi lâu dài. Tại Tôn-thất-Thuyết trái lời, cho nên mới xảy ra những việc tai họa, nhưng nhờ giám-quốc có lượng khoan hồng, giao trả lại cả thành-trị đất nước. Nguyễn-văn-Tường vụng tính, để cho đến nỗi

(xem tiếp trang 20)

KỊCH DÀI BẢNG THƠ

Yêu - Ly

(hay là « Yém-Ly nương sắc gió »)

LƯU-QUA G-THUẬN

Số 3

Yêu Ly

Tâm Ngô chúa, đã dành mưu sâu sập,
 Nhưng nói trước e trời không khiến gặp;
 Bại hay thành còn đợi rủi hay may.
 Mau trong tâm xin chúa miễn tâm bày;
 Chưa thấy việc dăm đầu lương khó dễ
 Nhưng đã dứt tay xin làm nhục-kế,
 Nại sức hèn vương có thể an-tâm.

Ngô-hạp-Lư.

Yêu Khanh ơi, Khanh nghe vội nên nhậm.
 Lời nọ hỏi mưu kia là có ý,
 Muốn nghe rõ khi trù xong Khánh-ky
 Khanh làm sao yên ổn được thân Khanh

Quân-Sư

Đáng lo hơn cơ-sự bại hay thành
 Là sinh-mệnh Yêu Công nghĩa lương quý.

Yêu Ly

Lòng chu đáo nên quân-sư quá nghĩ
 Lo làm chi... miễn Khánh ky trù xong,
 Thân Yêu Ly dù thác cũng cam lòng.
 Thời đã xố, chưa hồi triều kẻo muộn.

Ngô-h-Lư

Yêu Khanh đi, lòng Ngô đây những muốn
 Khóc to lên cho động thấu hoàng-thiên
 Yêu Khanh ơi, với trời đất xin nguyện
 Ơn nghĩa trượng suốt đời Ngô tạo ơn

Yêu Ly

Thời kinh chưa chào Quân sư

(thời lẽ rồi ra cửa)

Ngô-h Lư

(Bước t eo cầm tay Yêu Ly)
 Hầu ly bộ nao nao k ông xiết tả
 Yêu Khanh ơi!

Nếu nướ xa kho' mơn dặm sá.

Trộn kiếp canh tr ờn mộng t ỷ nhau.

Yêu Ly (gỡ tay)

Ra đi tay nguyện làm tau đá
 Tay nếu không về họ kiếp sau

(bước thêm ra cửa)

Ngô h-Lư

Còn đây chốc nữa xa bao dặm;
 Mưa gió t ần ng rời lạnh x ốt b o

Yêu Ly

Ra đi thân nguyện b ền sư ng tủy;
 Thân nếu khô g về họ kiếp sau.

vái chào nhau lần cuối)

Màn hạ

Cảnh hai

Hồi hai

(Mở màn. Phòng nghị sự trong tư dinh Khánh-ky. Đêm khuya, bên ngoài vắng t ếng trống cầm canh. Khánh ky ngồi trước án, bên trái có tham mưu, trước mặt d ề bình thư và kiếm. Ngọn nến to cháy sáng phía bên phải.)

Lớp I

Khánh ky — Tham mưu — rồi quân

Khánh ky

Như Ky mới cũng tham-mưu xét rõ

Mặt thư quân do thám gửi về đây:
 Bình Hạp Lư chềnh mảng đã lâu ngày,
 Phần đánh bại quân Ngô ta nắm chắc.
 Tham mưu đã trong bao lâu dè dặt,
 dịp tốt này chớ để gió đưa xiêu,
 Tuy bên Ngô, đất rộng sản quân nhiều,
 Nhưng ô-hợp, lại lợm lẹm thiếu thốn,
 Đồn lũy lâu năm, thấp phần suy khốn,
 Muốn sự thành còn dịp tốt nào hơn?

Tham mưu

Sức Ngô già công-tử hèn tỏ tường.
 Còn binh lực của nhà tôi trộm nghĩ.
 Tuy đông-mãnh nhưng chưa toàn như ý.
 Vừa hôm qua tôi mới được binh xong.
 Kề tinh binh mới được hai muôn rông
 Gồm kỵ-trã, đao quân và xạ tiễn.
 Về mặt thủy có năm trăm thuyền chiến,
 Quân thao nghề nhương thiếu tướng chỉ huy.
 Tuy binh Ngô chềnh mảng có phần suy
 Nhưng Khánh-lực chưa đủ làm xiêu nói

Khánh-Ky

Suốt đêm qua, Ky chong đèn trướng nội.
 Xem cấn bản, buồn rỗi chảy tâm tư
 Hạp Lư kia một ngày chưa xong trừ
 Đồn Khánh-Ky mãi còn dư kình đợi:
 Giết thân-phụ thù đây gan lửa nóng,
 Nghiệp bá chủ-tầu, vơ hết trong tay!
 Ta, son vua, một tối tuối sưng đầy.
 Cho miệng thổ họ truền nhau rỏ rúng.
 Vầng nhật nguyệt như trách thăm vũ-dũng
 Đứng trên đời vai cang tở cho vai.
 Ôi bao lâu gươm báu đã siêng mài;
 Thủ chưa trả, ngôi vua chưa lấy lại.
 Danh Khánh-Ky chưa vang lừng tại hải.
 Tham mưu ti eo ta, tân-khổ mấy năm trường.
 Người biết người mà thời thế chưa nương
 Lòng nghĩ lại như dầm trong mặt đất.

Tham-mưu

Ồ! công-tử ban chỉ lời quá nặng!
 Chuyện cơ đồ một lúc dễ mà xong?
 Miễn chuyên-lệ ta dồn sức nung lòng,
 Ai tới chửa sẽ thấy ngày hoan-lạc,
 (Tiếng trống canh đêm nhịp)

Rèn quân-sự xin cho đời bữa khác.
 Trống-rang thành, giờ đã gác canh ba.
 (Đứng dậy nhương ngồi ngay xuống
 vì có quân vào quỵ)

Khánh-Ky

Có việc chi quan trọng giữa đêm tà?

Quân

Trình Khánh chủ cò người xa lạ tới,
 Hình dáng khả nghi thẳng vào dinh trại,
 Ý xem thường nên ngoài kỵ quân canh.
 Đất giam ngay, người kẻ lẽ sự tình.
 Có một sự muốn dâng trình chủ tướng.
 Xin ngay giữa đêm khuya vào dưới trướng,
 Quyết kháng-kháng không đợi đến ngày mai.

Khánh-Ky

Họ tên chi?

Quân

Người không nói, chỉ van nài.
 Rất tha thiết xin vào ngay trướng-phủ,
 Kêu mạn phép bẩm trình ngay Khánh chỗ,
Khánh-Ky

Cho người vào, nhưng giáp sĩ mười tên.
 Tay cầm đao phải túc trực dưới thềm,
 Phòng ngộ biến sẽ ào lên tại trướng.

Quân

Quân thức sẵn xin tuân lời chủ tướng,
 (Quân lại ra)

Khánh-Ky

À! mà vào lạc hướng giữa đêm khuya?

Tham-mưu

Chưa đoán ai, tôi chỉ đề tâm ngộ,
 Rằng kẻ lạ sẽ bày mưu lập kế. Các sà.
 Con quốc hươu chuyện muôn phần có thể.

LỚP II

Khánh-Ky — Tham-mưu — Yêu-Ly

Khánh-Ky (thấy Yêu Ly vào)

Này gã, họ tên chi?

Trước quân ta khuya khoắt đến làm gì?

Người khá nói kéo dẫu kia sẽ đứt,

Yêu-Ly (quỳ)

Trình Khánh-chủ trái muốn vãn khê cực,

Tội phạm hôn từ viễn quốc sang đây

Tai nghe danh Khánh chủ đã lâu ngày.

Nên tìm đến đề mong ngài dung nạp,

Ơn tri ngộ sẽ hèn gan háo đáp,

Khánh Ky

Nói hay chưa? Người gốc tích nơi đâu?

(nói nhỏ với Tham mưu)

Đang tiên-sơ chặc mưa nắng dãi dẫu

Tham-mưu (thấp giọng)

Mày xem kỹ hai tay còn có một

Khánh Ky (to)

Này kẻ lạ! Sự tình người hãy thốt

Nội không rành, dẫu chờ oán gươm ta

Yêu Ly

Trình Khánh công, đất Ngô vốn quê nhà,

Tội hàn sĩ, Yêu Ly là danh lính;

Thời bình lửa cộ-thôn hạp tạm lánh,

Nhưng, dưới mái lều từng trộm đọc thiển kinh

Suy lẽ trời rồi ngẫm việc đạo binh,

Đương râu xỏ cả mưu nghìn lỗ-thứ.

Tâm-tri mọn đã nhiều phen tính thử

Ngày nào xa đem một mối giang-san

Đang trong tay một mệnh chửa thân gươm

Ai sống nài đồ cầu xướng máu đỏ

Nhưng đơm độc chửa tìm ra được chửa,

Chim phàn vân tìm mãi chưa ra cánh,

Lòng tôi càng lữ lữ mãi lữ tranh,

Thằng ngày tháng tiêu-dao dần với sách,

Ngô hạp-Lư cậy ơn quyền hống hách

Sai đến đời, tôi chẳng bằng quy theo,

Tuy biết dư tình thế rất hiểm nghèo

Khi từ-chối Hạp Lư tàn bạo Ky.

Lòng ngại vậy, sự định đưa đến vậy

Quân tôi nhà vậy giết vợ con tôi.

Hai thê-nhi chưa đủ thỏa tâm người,

Còn chặt cánh tay tôi. Quân cường đạo!

Lìa xé ra đi, thà to quyết báo.

Sang đây dẫu Khánh chủ, oán ơn dung,

Xin kết-cam sẽ trả mặt phôi lòng,

Thờ ắt thật kẻ thù chung rửa hận

Khánh-Ky

Ba tấc lưỡi chỉ làm sôi máu giận.

Này Yêu Ly người chớ khá khua môi

Sang tới đây kể quỷ tướng sao rồi

Tại Khánh-Ky phải nào tại trở nhỏ

Quang trí thấp tướng mưu thần khó lộ.

Muốn rá hàng người lọt đến dinh ta,

Có lối vào nhưng không có lối ra

(Cầm gươm)

Gươm sẵn có, không cần đạo phủ thả

Tham mưu (ngán Khánh Ky)

Kheo Yêu Ly người có胆

Đang cơ rành dẫu tôi chửa ta tin

Vả chẳng hèn Ngô oán hận vang rền

Xa mấy quận, cầm hèn lên vút trượng.

Yêu Ly quả thành tâm, ngu ý tướng

Chuyện này người đo thám báo không sai.

Khánh Ky

Ta biết rồi, và lời đã lọt tai,

Nhưng cần thận phải một vài câu đón,

(to) Này Yêu Ly, tướng lữ ta chuyện gọn,

Nhưng trá hàng là kẻ gạt ai kia!

Thương cho người nhứt kẻ chẳng trông vờ,

Vả Quang họ tướng cười chớ được Khánh,

Người bắt chước chim câu tung trời vỗ cánh

Sang thăm dò, dẫu bặt chỗ vơng thân!

Này Yêu Ly, dẫu người đem tới dâng

Gươm chẳng tước một lần ra khỏi vỏ

(tốt gươm đứng dậy)

(Còn nữa)

LƯU-QUANG-THỤẬN

HẠNH THỰC CA

(Tiếp theo trang 10)

nhà cầm-đầu (1) quý - rồi. Bây giờ muốn cho nước được yên-ổn vững-vàng, thì phải lập ngay người khác lên làm vua mới được. Mà nghe như hoàng-trữ đã có sẵn, cha truyền con nối là danh-p-ận chíu-đáng lắm rồi. Hồ có người cầm quyền sửa trị việc nước, thì sẽ giao trả thên-tri đất nước và lại giữ gìn hộ-vệ cho nữa. Còn như ông Hàm-Nghị đã đi xa, ấu-đầu rồi không rõ, đâu có vẻ thì cũng phải cho một chức công hầu gì đó là xong. Thái-hậu nghe rõ đầu đuôi, hỏi quan ta rằng: « Người Pháp làm như vậy, thì quốc thể nào? » Hai quan ta là Nguyễn-hữu-Độ và Phan-đình Bỉnh đều tâu rằng: « Chúng tôi cũng vẫn ước ao như thế, quý quan phân trần như vậy rất hay. Sen hiền mà nổi được nghiệp lớn của cha thì dân nước mới yên. Trước nhờ trăn-trối của cha - chương, sau nhờ thái-hậu sửa sang mới giềng, bên ngoài lại có quý-quan bảo hộ, thì cái cơ thái-bình thịnh - trị chắc là lại được như xưa » (1) Thái-hậu thoáng nghe những lời của các quan ta bày, phán rằng: « Đúng như vậy, cũng nhờ có các người. Nay ta y lời tất cả, nên sẽ giao trả đồ-thành ngay, chờ đồ chiêm-trở, rồi rước Kiên-giang-công về đây, ở tạm nơi Xung-khiêm để chờ ngày vào kinh. Cốt làm sao cướp được lại cho, vì dân muốn chúa thì phải lo phục người. Nếu nhân cây đức vun trồng càng ngày càng bền chặt, dầu mà muốn lẫn tiệp cũng không trôi nào cho. Muốn thử lòng nước Pháp có phò hộ thật hay không, nên cho người vẽ trước, thử thăm dò xem sao. » Quan ta hội-hop cả ở triều-đình, yêu cầu người Pháp trả ngay kinh-thành. Xem chừng cũng có lòng tôn-trọng kính-nể, không có chút gì là dối trá. Các quan đi thăm, vẽ tâu rõ mọi việc, rồi xin ngự-giá về mau kinh - thành

(Còn nữa) Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

14) Câu « Bảo phò lại có quý quan, đi là bình trị phục hoàn như xưa » bản năm phê lại chữ « mệnh thu hồi » nghĩa là « nói chiêm bao », mà thật thì, đời nào người Tây giữ quyền bảo hộ, mà lại được thái-bình thịnh-trị như khi độc-lập.

15) Câu « Làm sao cướp được lại cho » bản năm phê hai chữ « trác thừa » nghĩa là « kiến thức cao » tức là khen thái hậu có ý cao-sắc. Tuy câu nói to-lông mà mãi đến ngày nay mới thực hành được sáu mươi năm mà việc làm mới đúng lời nói: quyền lực-chủ thật là trường-tiêng...

T.T.T.C.V.H. : Do nghị định số 18 ngày 8 tháng 10 năm 1945 của ông Bộ trưởng Bộ Nội Vụ
Đầu-nhiệm kiểm quản lý : Nguyễn-Tường-Phượng

TRI-TÂN TẠP-CHÍ

RA HÀNG TUẦN

MỤC LỤC SỐ 212

Từ toàn dân kháng chiến
đến toàn dân vận động Kiến-Xương
Sự kháng-cự cuối cùng của dân
Chăm năm Ấ-tỵ 1945 Ng.-khieu-Lâu
Kháng chiến ca Thị-Nham
Hạnh thực ca (XII) Nguyễn-văn-Tố
Bản góp phếp công Đỗ-Thước
Tài liệu đình chính văn cổ (XC) Ứng-hoà
Kịch Yêu lý (VII) Lưu-quang-Thuận

GIÁ BẢO

Một năm	55 \$ 00
Sáu tháng	30 , 00
Ba tháng	15 , 00
Một số	7 , 20

LỜI HIỆU TRIỆU

đồng bào Việt-nam

Ngày 21 tháng 11, chúng tôi tất cả 60 người trong các giới đã hội họp và bầu một Ủy Ban Hiệu Triệu các đoàn thể và các giới cử đại biểu đến họp tại Hội Quán Hội Hợp Thiện, 125 Phố Bồ Cai Đại Vương (Henri d'Orléans) ngày thứ bảy 24-11-45 đúng 3 giờ chiều, để đề nghị với các đảng phái thực hiện sự đoàn kết chặt chẽ và thành thực theo ý muốn của dân chúng

ỦY BAN HIỆU TRIỆU